

Số: 1812/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành lệnh khẩn cấp xây dựng công trình Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư khẩn cấp Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Tờ trình số 103/TTr-BQL ngày 14/03/2023 và Công văn số 3089/BQL-KHĐT ngày 17/8/2023; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 200/BC-STC ngày 30/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Tên dự án: Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Bắt đầu tháng 02/2022, hoàn thành tháng 12/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	25.000.000.000	24.420.317.000
1	Xây dựng (bao gồm hạng mục chung + bảo hiểm công trình)	21.807.893.000	21.797.126.000
2	Quản lý dự án	539.040.383	539.040.000
3	Tư vấn ĐTXD	1.891.801.000	1.891.801.000
4	Chi phí khác	195.691.629	192.350.000
5	Dự phòng	565.573.988	0

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện			Số vốn còn phải thanh toán so với giá trị quyết toán được phê duyệt
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)+(5)
	Ngân sách tỉnh	25.000.000	24.420.317	24.431.084	10.767	0
	T/cộng:	25.000.000	24.420.317	24.431.084	10.767	0

*Ghi chú: chủ đầu tư đã thực hiện thu hồi và nộp vào ngân sách tỉnh với số tiền là 10.767.000 đồng.

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	0		24.420.317.000	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0		24.420.317.000	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Ngân sách tỉnh	24.420.317.000	
	Tổng cộng:	24.420.317.000	

b) Các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 0 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục II đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản: 24.420.317.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn /cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Nghĩa Hành	24.420.317.000	0

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 200/BC-STC ngày 30/11/2023 và nội dung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

4. Sở Tài chính, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác (số liệu) và pháp lý của nội dung trình phê duyệt quyết toán này trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KTN. pbc695



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
KÊ CHỐNG SÁT LỖ SÔNG PHU QUANG, XÃ HÀNH DŨNG, HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: **4812/QĐ-UBND** ngày **06** / 12 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phụ lục số 1



Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán theo dự quyết/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Chi phí xây dựng	21.807.893.000	21.807.893.000	21.797.126.000	-10.767.000	-10.767.000
-	Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung	21.807.893.000	21.807.893.000	21.797.126.000	-10.767.000	-10.767.000
II	Chi phí quản lý dự án	539.040.383	539.040.000	539.040.000	-383	0
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.891.801.000	1.891.801.000	1.891.801.000	0	0
+	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	651.380.000	651.380.000	651.380.000	0	0
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi và khảo sát (địa hình và địa chất)	598.608.000	598.608.000	598.608.000	0	0
2	Chi phí giám sát khảo sát	17.629.000	17.629.000	17.629.000	0	0
3	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	35.143.000	35.143.000	35.143.000	0	0
+	Giai đoạn thực hiện đầu tư	1.240.421.000	1.240.421.000	1.240.421.000	0	0
4	Chi phí lập thiết kế BTTC-DT	454.000.000	454.000.000	454.000.000	0	0
5	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	67.446.000	67.446.000	67.446.000	0	0
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	460.471.000	460.471.000	460.471.000	0	0
7	Chi phí cấm mốc chi giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	65.845.000	65.845.000	65.845.000	0	0
8	Khảo sát, đo vẽ địa chính và cấm mốc GPMB	105.691.000	105.691.000	105.691.000	0	0
9	Giám sát công tác khảo sát, đo vẽ hồ sơ địa chính và cấm mốc GPMB	4.074.000	4.074.000	4.074.000	0	0
10	Chi phí lập đề cương kiểm định chất lượng công trình	9.843.000	9.843.000	9.843.000	0	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	73.051.000	73.051.000	73.051.000	0	0
IV	Chi phí khác	195.691.629	192.350.000	192.350.000	-3.341.629	0
1	Phí thẩm định dự án	2.125.000	2.125.000	2.125.000	0	0
2	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	3.341.629	0	0	-3.341.629	0
3	Chi phí kiểm toán độc lập	148.103.000	148.103.000	148.103.000	0	0
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	42.122.000	42.122.000	42.122.000	0	0
V	Dự phòng	565.573.988	0	0	-565.573.988	0
VI	Tổng cộng	25.000.000.000	24.431.084.000	24.420.317.000	-579.683.000	-10.767.000

Phụ lục số II

KÊ CHỐNG SẮT LỖ SÔNG ĐUỐC GIANG, XÃ HÀNH DỪNG, HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 06 / 12 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán	Số vốn đã nộp ngân sách nhà nước	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
						Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		Chi phí xây dựng, bảo hiểm công trình	21.797.126.000	21.807.893.000	10.767.000	0	0
I	Công ty TNHH xây dựng Thành Đạt	Xây lắp toàn bộ công trình	21.797.126.000	21.807.893.000	10.767.000	0	0
II		Chi phí Quản lý dự án	539.040.000	539.040.000	0	0	0
I	Ban Quản lý dự án DTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		539.040.000	539.040.000	0	0	0
III		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.891.801.000	1.891.801.000	0	0	0
I	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi và khảo sát (địa hình và địa chất)	598.608.000	598.608.000	0	0	0
2		Chi phí giám sát khảo sát	17.629.000	17.629.000	0	0	0
3	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Liên Việt	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	35.143.000	35.143.000	0	0	0
4	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí lập thiết kế BVTC-DT	454.000.000	454.000.000	0	0	0
5	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Liên Việt	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	67.446.000	67.446.000	0	0	0
6	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trung Long	Chi phí giám sát thi công xây dựng	460.471.000	460.471.000	0	0	0
7	Công ty TNHH tư vấn xây dựng và đầu tư Tân Lam Sơn	Chi phí cắm mốc chi giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	65.845.000	65.845.000	0	0	0
8	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tư vấn Thăng Lợi	Khảo sát, đo vẽ địa chính và cắm mốc GPMB	105.691.000	105.691.000	0	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán	Số vốn đã nộp ngân sách nhà nước	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
						Phải thu (-)	Phải trả (+)
9	Công ty TNHH MTV tư vấn trắc địa bản đồ Quảng Ngãi	Giám sát công tác khảo sát, đo vẽ hồ sơ địa chính và cắm mốc GPMB	4.074.000	4.074.000	0	0	0
10	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí lập đề cương kiểm định chất lượng công trình	9.843.000	9.843.000	0	0	0
	Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng KVINA	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	73.051.000	73.051.000	0	0	0
IV		Chi phí khác	192.350.000	192.350.000	0	0	0
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phí thẩm định dự án	2.125.000	2.125.000	0	0	0
2	Công ty TNHH kiểm toán Đại Dương	Chi phí kiểm toán độc lập	148.103.000	148.103.000	0	0	0
3	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	42.122.000	42.122.000	0	0	0
VI	Tổng cộng		24.420.317.000	24.431.084.000	10.767.000	0	0